TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 371/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 7- 2024
V/v: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hôm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mẫn

2. Ông Huỳnh Hoàng Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Rềng, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Rềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Rềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2024/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024. Giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Sa R, sinh năm: 1980; địa chỉ: ấp 1, xã Vị Thanh, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Võ Văn T, sinh năm: 1982; địa chỉ: ấp Hòa B, xã Hòa Lợi, huyện Giồng Rềng, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Sa R trình bày: Chị và anh Võ Văn T tự tìm hiểu quen biết nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2022 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Hôn nhân giữa chị và anh T không hạnh phúc nguyên nhân là do chị và anh T chưa tìm hiểu kỹ về nhau nên không hòa hợp tánh tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cự cải nhau làm mất dần tình cảm. Mặc dù đã nhiều lần cố gắng khắc phục hàn gắn nhưng không có kết quả, từ năm 2023 chị đã sống ly thân với anh T cho đến nay.

Quá trình chung sống chị và anh T không có con chung

Nay chị R khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Không có.

Về T sản, nợ chung: Chị R không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Võ Văn T trình bày: Anh T xác định trình bày của chị R về kết hôn, con chung, T sản chung và nợ chung là đúng. Anh T đồng ý ly hôn với chị R do vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc. Về T sản và nợ chung anh T thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị R khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T với tư cách là bị đơn trong vụ kiện có nơi cư trú tại huyện Giồng Rềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Rềng, tỉnh Kiên Giang.

Chị R và anh T với tư cách là nguyên đơn và bị đơn trong vụ án có đơn xin vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị R, anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Chị R và anh T chung sống với nhau vào năm 2022 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Tòa án không công nhận anh, chị là vợ chồng.

- Về con chung: Chị R, anh T cùng xác định anh chị không có con chung.

- Về T sản và nợ chung: Chị R, anh T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí ly hôn sơ thẩm chị R phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị R đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002713 ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng

Rềng (do Trần Chí Đỉnh nộp thay). Chị R đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị Sa R và anh Võ Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Không có

3. Về T sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Sa R phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị R đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002713 ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Rềng (do Trần Chí Đỉnh nộp thay). Chị R đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

Dương Văn Hôm